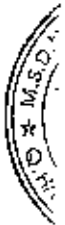


CÔNG TY TNHH MTV XỔ HẠI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016





CÔNG TY TNHH MTV XÔ SÓ HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tháng 3 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07 - 08
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 25

11/17 A 1/2011



CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỔ HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tháng 3 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07 - 08
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Chủ tịch và Ban Giám đốc

Chủ tịch và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đào Duy Hưng	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
Ông Vũ Nguyên Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Thảo	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Ngày 23 tháng 3 năm 2017

Số: 56 /2017/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 23/3/2017, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 4.14 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại đó mô tả việc Công ty chưa được chủ sở hữu góp đủ vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1436-2015-055-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2017

Lại Thị Hằng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2612-2015-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01 - XS
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		45.302.748.988 ✓	45.195.218.695
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.470.233.470 ✓	6.720.801.472
1. Tiền	111	6	2.249.759.891	1.594.864.049
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.220.473.579	5.125.937.423
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		28.030.879.611 ✓	26.551.555.823
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.1	28.030.879.611	26.551.555.823
III. Các khoản phải thu	130		7.919.792.805 ✓	9.634.553.031
1. Phải thu khách hàng	131	7	245.444.525	373.534.125
2. Trả trước cho người bán	132		877.600.000	877.600.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		5.429.929.030	6.854.180.657
4. Các khoản phải thu khác	135	8.1	1.366.819.250	1.529.238.249
IV. Hàng tồn kho	140		832.406.019 ✓	635.329.979
1. Hàng tồn kho	141	10	832.406.019	635.329.979
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.049.437.083 ✓	1.652.978.390
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.1	388.799.717	603.808.689
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	15.2	975.182.432	313.714.767
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	685.454.934	735.454.934
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.615.202.915 ✓	33.346.617.688
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.000.000 ✓	15.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218	8.2	15.000.000	15.000.000
II. Tài sản cố định	220		27.845.863.242 ✓	27.990.903.314
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	26.845.981.081	27.009.657.517
- Nguyên giá	222		34.169.894.196	33.207.356.128
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.323.913.115)	(6.197.698.611)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		158.710.500	158.710.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158.710.500)	(158.710.500)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	999.882.161	981.245.797
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.664.351.166 ✓	5.275.210.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	5.2	5.851.021.582	5.851.021.582
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	5.3	(4.186.670.416)	(575.811.582)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		89.988.507 ✓	65.504.374
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.2	89.988.507	65.504.374
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		74.917.951.903 ✓	78.541.836.383

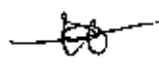
Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01 - XS
 Đơn vị tính: VND

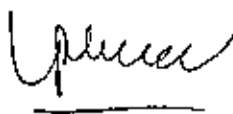
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.856.833.547 ✓	9.868.435.632
I. Nợ ngắn hạn	310		7.791.393.897 ✓	9.802.685.982
1. Phải trả người bán	312	14	363.044.247	1.633.857.189
2. Người mua trả tiền trước	313		421.753.435	39.703.550
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15.1	117.367.018	1.423.839.920
4. Phải trả người lao động	315		1.231.668.256	1.100.088.563
5. Chi phí phải trả	316	16	34.226.364	929.291.855
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17.1	4.554.338.598	3.923.613.130
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	18	1.064.000.000	-
8. Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	19	-	746.095.796
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.995.979	6.195.979
II. Nợ dài hạn	330		65.439.650 ✓	65.749.650
1. Phải trả dài hạn khác	333	17.2	65.439.650	65.749.650
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.061.118.356 ✓	68.673.400.751
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	72.194.184.216	70.332.184.216
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	(5.212.043.547)	(2.667.761.152)
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	20	78.977.687	1.008.977.687
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		74.917.951.903 ✓	78.541.836.383

Người lập biểu



Lê Thu Hương

Kế toán trưởng



Lê Văn Phúc

Hải Phòng, ngày 23 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



 Đào Duy Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Mẫu số B02 - XS
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu (01=01.1+01.2)	01	21	91.085.529.107 ✓	89.314.119.090 ✓
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		90.899.007.270	89.121.855.454
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		33.856.481.816	30.868.772.728
1.1.2. Xổ số bốc	01.1.3		1.892.522.726	1.865.421.819
1.1.3. Xổ số lô tô	01.1.4		51.975.102.732	54.933.519.997
1.1.4. Xổ số lô tô cặp	01.1.6		3.174.899.996	1.454.140.910
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		186.521.837	192.263.636
2. Các khoản giảm trừ doanh thu (02=02.1)	02	21	11.856.392.260 ✓	11.624.589.850 ✓
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		11.856.392.260	11.624.589.850
2.1.1. Xổ số truyền thống	02.1.1		4.416.062.846	4.026.361.659
2.1.2. Xổ số bốc	02.1.3		246.850.793	243.315.883
2.1.3. Xổ số lô tô	02.1.4		6.779.361.231	7.165.241.749
2.1.4. Xổ số lô tô cặp	02.1.6		414.117.390	189.670.559
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	10	21	79.229.136.847 ✓	77.689.529.240 ✓
3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		79.042.615.010	77.497.265.604
3.1.1. Xổ số truyền thống	10.1.1		29.440.418.970	26.842.411.069
3.1.2. Xổ số bốc	10.1.3		1.645.671.933	1.622.105.936
3.1.3. Xổ số lô tô	10.1.4		45.195.741.501	47.768.278.248
3.1.4. Xổ số lô tô cặp	10.1.6		2.760.782.606	1.264.470.351
3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		186.521.837	192.263.636
4. Chi phí kinh doanh (11=11.1)	11	22	✓ 77.652.345.663 ✓	76.006.818.337 ✓
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		77.652.345.663	76.006.818.337
4.1.1. Chi phí trả thưởng	11.1.1		50.005.418.669	47.275.651.249
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		27.646.926.994	28.731.167.088
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		✓ 1.576.791.184 ✓	1.682.710.903 ✓
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số (20.1=10.1-11.1)	20.1		1.390.269.347	1.490.447.267
5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác (20.2=10.2)	20.2		186.521.837	192.263.636
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.424.032.847 ✓	2.235.301.674 ✓
7. Chi phí tài chính	22	24	3.611.857.606 ✓	1.373.360.798
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	4.883.049.202
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	✓ 2.933.350.774 ✓	825.346.489 1.525.974.648
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(2.544.384.349) ✓	1.018.677.131 1.075.095.660
11. Thu nhập khác	31		101.954 ✓	8.611.296 ✓
12. Chi phí khác	32		-	14.531.040 ✓
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		101.954 ✓	(5.919.744) ✓

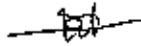
Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)
Năm 2016

Mẫu số B02 - XS
Đơn vị tính: VND

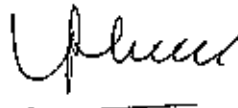
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2.544.282.395) ✓	1.012.757.387 9.969.825.866
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(2.544.282.395) ✓	1.012.757.387 9.969.825.866

Người lập biểu



Lê Thu Hương

Kế toán trưởng



Lê Văn Phúc

Hải Phòng, ngày 23 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Đào Duy Hưng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Năm 2016

(Theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau	Mẫu số 02B - XS
						Đơn vị tính: VND
I. Thuế	10	1.110.125.153 ✓	21.831.020.793 ✓	23.798.961.360 ✓	(857.815.414) ✓	
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	904.442.831	8.517.093.473	9.785.426.614	(363.890.310)	
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	73.288.448	11.856.392.260	12.227.258.063	(297.577.355)	
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	(313.714.767)	-	-	(313.714.767)	
4. Thuế nhà đất	17	-	7.024.000	7.024.000	-	
5. Tiền thuế đất	18	-	326.754.000	326.754.000	-	
6. Các khoản thuế khác	19	446.108.641	1.123.757.060	1.452.498.683	117.367.018	
- Thuế môn bài		-	14.000.000	14.000.000	-	
- Thuế thu nhập cá nhân		446.108.641	1.109.757.060	1.438.498.683	117.367.018	
TỔNG CỘNG (40=10)	40	1.110.125.153 ✓	21.831.020.793 ✓	23.798.961.360 ✓	(857.815.414) ✓	

Người lập biểu



Lê Thu Hương

Kế toán trưởng



Lê Văn Phúc

Hải Phòng, ngày 23 tháng 3 năm 2017

Tông Giám đốc



Bảo Duy Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2016

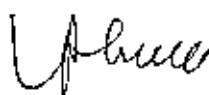
Mẫu số B03 - XS
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.544.282.395)✓	1.012.757.387
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11	1.126.214.504	1.042.815.042
- Các khoản dự phòng	03		3.928.763.038	1.985.724.532
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23	(2.334.451.847)	(2.158.830.999)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		176.243.300	1.882.465.962
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.155.761.060	1.414.617.394
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(197.076.040)	(57.897.932)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.329.506.289)	(3.424.811.162)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		190.524.839	(100.602.347)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	-	(129.284.399)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.200.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.005.253.130)	(415.512.484)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	11, 12	(981.174.432)	(4.632.276.714)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(28.030.879.611)	(26.551.555.823)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.551.555.823✓	30.752.111.111
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.283.183.348✓	2.126.791.643
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(177.314.872)	1.695.070.217
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	20	932.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		932.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(250.568.002)	1.279.557.733
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.720.801.472✓	5.441.243.739
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70		6.470.233.470✓	6.720.801.472

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Thu Hương

Lê Văn Phúc

Hải Phòng, ngày 23 tháng 3 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - XS

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng, trụ sở đặt tại số 19 Điện Biên Phủ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, được thành lập theo Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 30/6/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc chuyển Công ty Xổ số kiến thiết thành Công ty TNHH MTV Xổ số và Đầu tư tài chính Hải Phòng và Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc thay đổi tên Công ty TNHH MTV Xổ số và Đầu tư tài chính Hải Phòng thành Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20/11/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai ngày 06/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ là 80.000.000.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh xổ số.**1.3 Ngành nghề kinh doanh:**

- Hoạt động xổ số, đặt cược, các trò chơi có thưởng;
- Hoạt động đầu tư tài chính; đầu tư vào các quỹ đầu tư, các ngân hàng và các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp khác;
- Hoạt động cho thuê tài chính;
- Hoạt động đầu tư chứng khoán;
- Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động cho thuê trụ sở, văn phòng;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Hoạt động du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ;
- In ấn;
- Hoạt động vận tải: vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: trong vòng 12 tháng.**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - XS

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:**

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Các đơn vị trực thuộc hạch toán báo số (hạch toán tập trung tại Công ty)		
1 Chi nhánh Kiến An	Số 2 Nguyễn Lương Bằng, Phường Phù Liên, Quận Kiến An, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
2 Chi nhánh An Dương	Số 8 đường 35) tổ 1, Thị trấn An Dương, Huyện An Dương, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
3 Chi nhánh An Lão	Số 9 đường Nguyễn Văn Trỗi, Thị trấn An Lão, Huyện An Lão, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
4 Chi nhánh Thủy Nguyên	Đường Đà Nẵng, Thị trấn Núi Đèo, Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
5 Chi nhánh Kiến Thụy	Khu Cầm Xuân, Thị trấn Núi Đồi, Huyện Kiến Thụy, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
6 Chi nhánh Đồ Sơn	Số 250 Lý Thánh Tông, Phường Ngọc Hải, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
7 Chi nhánh Vĩnh Bảo	Đường 20/8, Thị trấn Vĩnh Bảo, Huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
8 Chi nhánh Bạch Long Vỹ	Khu dân cư số 1, đường tuyến 2, Huyện Bạch Long Vỹ, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
9 Chi nhánh Cát Hải	Tổ 7A, Khu dân cư 2A, Thị trấn Cát Bà, Huyện Cát Hải, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
10 Chi nhánh Hải An	Khu trung tâm hành chính Quận Hải An, Đường Lê Hồng Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
11 Chi nhánh Dương Kinh	Khu dân cư Ninh Hải, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: các thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Thông tư số 168/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết, chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - XS

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty xô số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính**4.3.1 Đầu tư ngắn hạn:**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

Đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

4.3.2 Đầu tư dài hạn khác:

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Đầu tư dài hạn khác là giá trị cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (mã chứng khoán: HAC) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Cổ tức được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn khác là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - XS

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu của Công ty đối với các chi nhánh về tiền bán xổ số các chi nhánh, có nghĩa vụ nộp về Công ty sau khi trừ đi các khoản chi thường, chi hoa hồng và các chi phí khác thực tế phát sinh tại chi nhánh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: phải thu về lãi tiền gửi; các khoản tạm ứng; phải thu của đại lý tiền trả thường, tiền hoa hồng; các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty phân loại và trình bày các khoản phải thu phát sinh từ nhiều năm trước trên chỉ tiêu tài sản ngắn hạn khác (mã số 158) của bảng cân đối kế toán. Đây là những khoản phải thu khó có khả năng thu hồi do các đối tượng nợ đã giải thể hoặc đã chết. Trước năm 2016, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản này, tuy nhiên, theo Thông báo kết quả kiểm toán số 44/TB-KVVI ngày 23/01/2017 của Kiểm toán Nhà nước thì Công ty phải hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi này do chưa hoàn thiện đủ hồ sơ trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Do vậy, năm 2016 Công ty không trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu khó đòi này.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Riêng tài sản cố định là công trình trụ sở nhà làm việc và hệ thống thiết bị thuộc trụ sở nhà làm việc, Công ty ghi nhận tăng theo văn bản thẩm tra quyết toán ngày 25/5/2015 của Sở Tài chính Hải Phòng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm 2016 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - XS

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua, đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng để phục vụ cho mục đích kinh doanh và quản lý. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp: phân bổ 50% giá trị trong tháng đầu tiên đưa vào sử dụng và phân bổ 50% giá trị còn lại theo phương pháp đường thẳng trong 11 tháng tiếp theo.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng kể từ khi phát sinh.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: phải trả kho bạc tiền tạm ứng vốn điều lệ; phải trả cho đại lý tiền trả thưởng, hoa hồng và chi phí khác; các khoản nhận ký quỹ, ký cược và các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. Tại ngày 31/12/2016, chi phí phải trả là khoản trích trước chi phí hình thành tài sản cố định theo văn bản thẩm tra quyết toán trụ sở nhà làm việc ngày 25/5/2015 của Sở Tài chính Hải Phòng nhưng chưa có đầy đủ hóa đơn.

4.12 Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả là dự phòng sửa chữa tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật được ước tính dựa trên số tiền phải trả để sửa chữa lớn tài sản cố định trong năm 2017 theo Quyết định số 343/QĐ-XS ngày 31/12/2016 của Chủ tịch Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - XS***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.13 Dự phòng rủi ro trả thưởng**

Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số. Cụ thể, trong năm trích lập Công ty có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của Bộ Tài chính. Mức trích lập hàng năm phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng không được vượt quá 10% tổng doanh thu của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập và tại thời điểm trích lập Công ty không bị lỗ.

Cuối năm, Công ty hoàn nhập số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng do hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng.

Trong năm, Công ty ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo quyết toán vốn đầu tư xây dựng nhà làm việc đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng phê duyệt với số tiền tăng thêm là 1.862.000.000 VND. Tại 31/12/2016, vốn đầu tư của chủ sở hữu là 72.194.184.216 VND, bằng 90,24% vốn điều lệ.

4.15 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, cổ tức được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - XS

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

- Lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác là lãi chậm thanh toán công nợ của các chi nhánh.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp trong năm.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm dự phòng tổn thất các khoản đầu tư và phí lưu ký chứng khoán. Cụ thể như sau:

- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được trích lập theo quy định như trình bày tại thuyết minh số 4.3.2.
- Phí lưu ký chứng khoán được ghi nhận theo thực tế phát sinh và được xác định theo mức 0,4 đồng/cổ phiếu/tháng theo quy định trong thông báo của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam ngày 08/02/2013.

4.18 Thuế

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 của Công ty lỗ, không phát sinh thu nhập tính thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bằng không.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty không xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên khoản lỗ tính thuế do chưa dự tính được lợi nhuận chắc chắn trong tương lai để bù đắp.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.19 Bên liên quan

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Chủ tịch Công ty, các cá nhân trong Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 28.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - XS

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
	Giá gốc	Giá gốc
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng	28.030.879.611 ✓	28.030.879.611 ✓
	26.551.555.823 ✓	26.551.555.823 ✓

5.2 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Số lượng	Giá gốc	Số lượng	Giá gốc
		Dự phòng		Dự phòng
		Giá trị hợp lý		Giá trị hợp lý

Tổng giá trị cổ phiếu

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng

	527.521 ✓	5.851.021.582 ✓	(4.186.670.416) ✓	1.664.351.166 ✓	527.521 ✓	5.851.021.582 ✓	(575.811.582) ✓	5.275.210.000 ✓
	527.521	5.851.021.582	(4.186.670.416)	1.664.351.166	527.521	5.851.021.582	(575.811.582)	5.275.210.000

5.3 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu năm	(575.811.582) ✓	-
Trích lập dự phòng	(3.610.858.834) ✓	(575.811.582) ✓
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
Số dư cuối năm	<u>(4.186.670.416) ✓</u>	<u>(575.811.582) ✓</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - XS

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***6. TIỀN**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	152.584.800 ✓	359.152.200
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.097.175.091 ✓	1.235.711.849
Cộng	2.249.759.891	1.594.864.049

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	245.444.525	373.534.125
Trần Thị Lý	125.277.940 ✓	197.863.040
Phạm Thị Dinh	113.646.585 ✓	149.549.085
Nguyễn Thị Minh	2.920.000 ✓	22.522.000
Khách hàng khác	3.600.000 ✓	3.600.000

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
8.1 Ngắn hạn	1.366.819.250	1.529.238.249
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	482.511.159 ✓	431.242.660
Tạm ứng	359.031.700 ✓	554.893.000
Phải thu các đại lý về tiền thưởng, hoa hồng và khác	480.201.170 ✓	512.522.765
Phải thu khác	45.075.221 ✓	30.579.824
8.2 Dài hạn	15.000.000 ✓	15.000.000
Ký quỹ, ký cược	15.000.000	15.000.000

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý (*)	685.454.934 ✓	735.454.934
Cộng	685.454.934	735.454.934

(*) : xem thêm tại thuyết minh 4.4.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công cụ, dụng cụ	201.436.676 ✓	179.045.911
Hàng gửi đi bán	40.740.727 ✓	37.486.833
Vé xổ số	590.228.616 ✓	418.797.235
Cộng	832.406.019 ✓	635.329.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MÃ SỐ B09 - XS

II. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	26.834.925.225 ✓	3.967.784.204 ✓	1.319.459.798 ✓	1.085.186.901 ✓	33.207.356.128 ✓
Tăng trong năm	197.538.068 ✓	-	765.000.000 ✓	-	962.538.068 ✓
Mua sắm	-	-	765.000.000	-	765.000.000 ✓
Đầu tư XD/CB hoàn thành	197.538.068	-	-	-	197.538.068 ✓
Tại ngày 31/12/2016	27.032.463.293 ✓	3.967.784.204 ✓	2.084.459.798 ✓	1.085.186.901 ✓	34.169.894.196 ✓
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	2.200.593.359 ✓	1.867.518.998 ✓	1.319.459.798 ✓	810.126.456 ✓	6.197.698.611 ✓
Khấu hao trong năm	567.700.670 ✓	406.938.300 ✓	59.196.428 ✓	92.379.106 ✓	1.126.214.504 ✓
Tại ngày 31/12/2016	2.768.294.029 ✓	2.274.457.298 ✓	1.378.656.226 ✓	902.505.562 ✓	7.323.913.115 ✓
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	24.634.331.866 ✓	2.100.265.206 ✓	-	275.060.445 ✓	27.009.657.517 ✓
Tại ngày 31/12/2016	24.264.169.264 ✓	1.693.326.906 ✓	705.803.572 ✓	182.681.339 ✓	26.845.981.081 ✓

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại 31/12/2016 là 2.231.224.735 VND (tại 31/12/2015 là 2.012.942.925 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU SỐ B09 - XS

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN ĐỒ DẠNG

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tại ngày 01 tháng 01	981.245.797 ✓	2.240.264.223
Tăng trong năm	301.848.440 ✓	4.570.976.714
Giảm trong năm	283.212.076 ✓	5.829.995.140
Kết chuyển sang tài sản cố định	197.538.068 ✓	5.829.995.140
Kết chuyển sang công cụ dụng cụ	85.674.008 ✓	-
Tại ngày 31 tháng 12 (*)	999.882.161 ✓	981.245.797
(*) Bao gồm:		
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Dự án xây dựng trụ sở văn phòng	5.000.000 ✓	-
Dự án xây dựng trung tâm xổ số Cát Bà	967.609.434 ✓	953.973.070
Dự án xây dựng trung tâm xổ số Bạch Long Vĩ	27.272.727 ✓	27.272.727
Cộng	999.882.161	981.245.797

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
13.1 Ngắn hạn	388.799.717 ✓	603.808.689
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	388.799.717 ✓	603.808.689
13.2 Dài hạn	89.988.507 ✓	65.504.374
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	89.988.507	65.504.374

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Thủ Đức	109.912.159 ✓	1.015.446.205
Công ty CP Thương mại PSD Việt Nam	102.190.000 ✓	-
Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hòa Bình	149.600.000 ✓	-
Người bán khác	1.342.088 ✓	618.410.984
Cộng	363.044.247	1.633.857.189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - XS

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	904.442.831 ✓	8.517.093.473 ✓	9.785.426.614 ✓	(363.890.310) ✓
Thuế tiêu thụ đặc biệt	73.288.448 ✓	11.856.392.260 ✓	12.227.258.063 ✓	(297.577.355) ✓
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(313.714.767) ✓	-	-	(313.714.767) ✓
Thuế thu nhập cá nhân	446.108.641 ✓	1.109.757.060 ✓	1.438.498.683 ✓	117.367.018 ✓
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	333.778.000 ✓	333.778.000 ✓	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	14.000.000 ✓	14.000.000 ✓	-
Cộng	1.110.125.153 ✓	21.831.020.793 ✓	23.798.961.360 ✓	(857.815.414) ✓
<i>Trong đó:</i>				
15.1 Phải nộp	1.423.839.920 ✓			117.367.018 ✓
15.2 Phải thu	313.714.767 ✓			975.182.432 ✓

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trích trước chi phí hình thành tài sản cố định	34.226.364 ✓	929.291.855
Cộng	34.226.364	929.291.855

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
17.1 Ngắn hạn	4.554.338.598	3.923.613.130
Lệ phí vĩa hè	16.810.000 ✓	16.810.000
Kho bạc tạm ứng vốn	3.000.000.000 ✓	3.000.000.000
Phải trả cho các đại lý tiền thưởng, hoa hồng và khác	988.042.501 ✓	903.917.917
Các khoản phải trả, phải nộp khác	549.486.097 ✓	2.885.213
17.2 Dài hạn	65.439.650 ✓	65.749.650
Nhận ký quỹ, ký cược	65.439.650	65.749.650

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Đơn vị tính: VND	
	Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định	Cộng
Ngắn hạn		
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng	1.064.000.000 ✓	1.064.000.000
Số cuối năm	1.064.000.000	1.064.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - XS

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

27. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2016 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

28. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

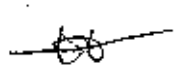
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Chủ tịch và Ban Giám đốc	1.071.962.140	1.192.619.479

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt - Chi nhánh Hải Phòng và được điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán số 44/TB-KVVI ngày 23/01/2017 của Kiểm toán Nhà nước, cụ thể:

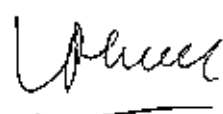
	Mã số	Đơn vị tính: VND		
		Số liệu trước điều chỉnh (1)	Các điều chỉnh tăng/giảm (2)	Số liệu sau điều chỉnh (3)=(1)+(2)
<i>Bảng cân đối kế toán</i>				
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(700.658.479) ✓	700.658.479	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(3.832.221.582) ✓	3.256.410.000	(575.811.582) ✓
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(6.624.829.631)	3.957.068.479	(2.667.761.152)
Tài sản ngắn hạn khác	158	1.290.347.934 ✓	(554.893.000)	735.454.934
Các khoản phải thu khác	135	974.345.249 ✓	554.893.000	1.529.238.249
Tài sản dài hạn khác	268	15.000.000 ✓	(15.000.000) ✓	-
Phải thu dài hạn khác	218	-	15.000.000 ✓	15.000.000 ✓

Người lập biểu



Lê Thu Hương

Kế toán trưởng



Lê Văn Phúc

Hải Phòng, ngày 23 tháng 3 năm 2017



Đào Duy Hưng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

XỔ SỔ HẢI PHÒNG

Số: 04/SY - TCHC

SAO Y BẢN CHÍNH

Hải Phòng, ngày 30 tháng 5, năm 2017

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư - Cục phát triển Doanh Nghiệp
- Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Hải Phòng
- Lưu: VT, KT.



Vũ Nguyễn Khánh